

Số: 361/TB-BVQDYYTV

Vĩnh Long, ngày 03 tháng 12 năm 2025

## THÔNG BÁO CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý công ty.

Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh có nhu cầu mua sắm vật tư y tế thiết bị y tế sử dụng tại Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh.

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh thông báo đến Quý Công ty có đủ chức năng theo quy định của pháp luật cung cấp chào giá gói thầu mua sắm vật tư y tế thiết bị y tế sử dụng tại Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

- Tên dự toán: Gói thầu mua sắm vật tư y tế, thiết bị y tế khẩn cấp nhằm duy trì hoạt động khám, chữa bệnh trong thời gian triển khai gói thầu mua sắm vật tư y tế, thiết bị y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán invitro theo nhu cầu sử dụng năm 2026.

- Tên gói thầu: Gói thầu mua sắm vật tư y tế, thiết bị y tế khẩn cấp nhằm duy trì hoạt động khám, chữa bệnh trong thời gian triển khai gói thầu mua sắm vật tư y tế, thiết bị y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán invitro theo nhu cầu sử dụng năm 2026 (đính kèm danh mục).

- Tên yêu cầu báo giá: Gói thầu mua sắm vật tư y tế, thiết bị y tế khẩn cấp nhằm duy trì hoạt động khám, chữa bệnh trong thời gian triển khai gói thầu mua sắm vật tư y tế, thiết bị y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán invitro theo nhu cầu sử dụng năm 2026.

- Họ tên người nhận báo giá: Trần Thị Bé Năm; chức vụ: Phó Trưởng khoa Dược- TTB; Địa chỉ: Số 219, Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 6, Phường Nguyệt Hóa, tỉnh Vĩnh Long; Số điện thoại: 0388.601.061; Email: duocsibetran@gmail.com

- Hình thức nhận báo giá: Trực tiếp hoặc qua địa chỉ mail.

- Địa điểm phát hành báo giá: muasamcong.mpi.gov.vn

- Thời gian nhận báo giá từ 08h 00 phút ngày 04/12/2025 đến 17h 00 phút ngày 15/12/2025

- Thời gian hiệu lực báo giá tối thiểu: 90 ngày, kể từ ngày 15/12/2025.

### Lưu ý:

- Báo giá phải có ngày tháng cụ thể, nêu rõ thời hạn hiệu lực của bảng báo giá; Ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại, có đầy đủ dấu, chữ ký của đại diện công ty, tổ chức.

- Đơn giá đã bao gồm thuế GTGT.

- Liên quan đến công khai kết quả trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, ngoài các thông tin của danh mục hàng hóa đính kèm thông báo, quý công ty phải ghi bổ sung thêm các thông tin sau: ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu (nếu có), năm sản xuất, xuất xứ, hãng sản xuất, thông số kỹ thuật, mã HS (nếu có).

- Mọi chi tiết xin liên hệ: Bà Trần Thị Bé Năm, số điện thoại: 0388.601.061  
Email: duocsibetran@gmail.com

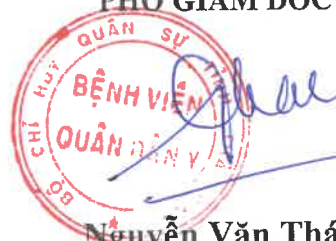
Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh thông báo đến Quý công ty biết và tham gia chào giá./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, D-TTB. N03.

**KT.GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Thái**

DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm Thông báo chào giá)

| Stt | Mã hàng hóa | Mã số theo TT 04 | Danh mục hàng hóa     | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                     | Địa điểm thực hiện                 | Quy cách | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------|-----------------------|------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------|---------|
| 1   | HH01        | N01.01.010       | Bông y tế thấm nước   | 18         | kg          | Thấm nhanh, trắng mịn, không tưa, độ thấm hút tốt và dễ dàng tách lớp khi sử dụng. Bông được cuộn thành cuộn chắc, người sử dụng có thể tạo ra các miếng kích thước tùy ý. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | ...      |         |
| 2   | HH02        | N02.01.040       | Băng cá nhân          | 1700       | Miếng       | Băng vải, độ dính tốt, không kích ứng da. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương                                                                                                                                  | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | ....     |         |
| 3   | HH03        | N02.02.020       | Băng keo lùa y tế     | 400        | Cuộn        | Kích thước 2,5cm x 5m, màu trắng, bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng, không cần dùng kéo. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương                                                                                 | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | ....     |         |
| 4   | HH04        | N02.01.010       | Băng bó bột thạch cao | 40         | Cuộn        | Bột bó 4in (kích thước 10 cm x 2,7m). Dùng để băng bó và cố định vết thương, Làn từ bột thạch cao có chất lượng, Ít hao bột và cho độ cứng tốt, không gây kích ứng da. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE                      | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | ....     |         |





|    |      |            |                                    |       |         |                                                                                                                                                         |                                    |              |  |
|----|------|------------|------------------------------------|-------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------|--|
|    |      |            |                                    |       |         | hoặc tương đương.                                                                                                                                       |                                    |              |  |
| 5  | HH05 | N02.03.020 | Gạc y tế tiết trùng                | 9000  | Miếng   | Kích thước 8 x 10cm. Gói/10 miếng. Có độ thấm hút rất cao, không có độc tố, mịn màng, mềm mại, không chứa chất gây dị ứng                               | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | Gói 10 miếng |  |
| 6  | HH06 | N03.01.020 | Bom tiêm nhựa sử dụng một lần 5ml  | 6000  | Cải/cây | 5ml, cỡ kim 23G*1, 25G*1. Được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh, vạch chia dung tích rõ nét, đầu kim sắc nhọn. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | ....         |  |
| 7  | HH07 | N03.01.020 | Bom tiêm nhựa sử dụng một lần 10ml | 5000  | Cải/cây | 10ml, cỡ kim 23G*1, Được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh, vạch chia dung tích rõ nét, đầu kim sắc nhọn. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương       | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | ....         |  |
| 8  | HH08 | N03.02.060 | Kim rút thuốc số 18 (kim tiêm)     | 8000  | Cải/cây | 18G x 1 x 1/2. Thép không rỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương                                                                                   | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | ....         |  |
| 9  | HH09 | N03.02.060 | Kim rút thuốc số 23 (kim tiêm)     | 20000 | Cải/cây | 23G x 1 1/2, Thép không rỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương                                                                                     | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | ....         |  |
| 10 | HH10 | N03.02.070 | Kim luồn tĩnh mạch các số, các cỡ  | 1500  | Cải/cây | Thép không rỉ, có cánh có cổng, có Luer Lock.                                                                                                           | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | ....         |  |
| 11 | HH11 | N03.04.010 | Kim châm cứu các số                | 14300 | Cây     | Thân kim sử dụng thép chuyên dụng, dẫn điện tốt, vỏ trũng. Các số 2, 3,4,5,6,7, làm bằng thép ko                                                        | Bệnh viện Quân Dân y               | ....         |  |



|    |      |            |                                                                 |      |                                             |                                                                                                                                           |                                    |      |  |
|----|------|------------|-----------------------------------------------------------------|------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------|--|
|    |      |            |                                                                 |      | gí. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương | tỉnh Trà Vinh                                                                                                                             |                                    |      |  |
| 12 | HH12 | N03.02.030 | Kim nha khoa (kim tế nha)                                       | 300  | Cây                                         | 27G/- 21mm                                                                                                                                | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | .... |  |
| 13 | HH13 | N03.06.030 | Găng tay y tế chưa tiệt trùng                                   | 6000 | Đôi                                         | Size 6,5- 7- 7,5, co giãn tốt, dễ mang găng, không quá dày.                                                                               | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | .... |  |
| 14 | HH14 | N03.06.050 | Găng tay y tế tiệt trùng                                        | 450  | Đôi                                         | Size 6,5- 7- 7,5, co giãn tốt, dễ mang găng, không quá dày.                                                                               | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | .... |  |
| 15 | HH15 | N03.05.010 | Dây truyền dịch                                                 | 3000 | Cái/sợi                                     | Bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, công chia, ống nối đi kèm, độ dài dây dẫn ≥ 1500mm, 1 cái/bao. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | .... |  |
| 16 | HH16 | N03.07.070 | Ống nghiệm nắp xanh có chất chống đông EDTA                     | 1000 | Cái/ống                                     | Ống nghiệm nhựa chống đông máu EDTA K2,kích thước ống 12 x 75mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương                                  | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | .... |  |
| 17 | HH17 | N03.07.070 | Ống nghiệm có chứa chất chống đông Sodium Fluoride Oxalate Kali | 1500 | Cái/ống                                     | Ống nắp xám. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương                                                                                      | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | .... |  |
| 18 | HH18 |            | Cuvette                                                         | 750  | VT/cái                                      | Dùng cho máy sinh hóa TC-Maxtric. Nhựa trung tính không phản ứng với hóa chất, thành trơn                                                 | Bệnh viện Quân Dân y               | .... |  |





|    |      |            |                                |     |      |                                                                                                                                                |                                    |      |  |
|----|------|------------|--------------------------------|-----|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------|--|
|    |      |            |                                |     |      | làng chống sự bám dính của mẫu bệnh phẩm (Đáy vuông 1 vĩ/cái/10 cái nhỏ)                                                                       | tỉnh Trà Vinh                      |      |  |
| 19 | HH19 | N05.02.050 | Chỉ Chromic 4/0 Kim tam giác   | 450 | Tép  | Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu, tam chậm, đơn sợi. Kích cỡ 4/0, chiều dài 75cm, kim tam giác 3/8c, dài 16mm, bằng thép không gỉ.                  | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | .... |  |
| 20 | HH20 | N05.02.030 | Chỉ Nylon 3/0 Kim tam giác     | 90  | Tép  | Chỉ không tiêu đơn sợi, số 3/0, dài 75cm, kim tam giác 1/2c, dài 26mm, bằng thép không gỉ.                                                     | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | .... |  |
| 21 | HH21 |            | Bao da máy đo huyết áp tự động | 5   | Cải  | Chất liệu tốt. Độ bám dính tốt, dùng cho máy huyết áp tự động (OMRON). Phụ kiện thay thế dùng cho máy huyết áp tự động.                        | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | .... |  |
| 22 | HH22 |            | Gel siêu âm                    | 5   | Can  | Gel bôi trơn dùng trong chẩn đoán y khoa, không gây hại đầu dò, không gây hại cho da, không mất cảm, can/5 lít. Đạt tiêu chuẩn ISO.            | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | .... |  |
| 23 | HH23 |            | Giấy điện tim 6 cần            | 100 | Xấp  | Kích thước 110mm x 140mm, giấy chất liệu tốt, in cho kết quả rõ nét, đẹp. Dùng cho máy điện tim 6 cần.                                         | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | .... |  |
| 24 | HH24 |            | Giấy siêu âm trắng đen 110s    | 10  | Cuộn | Kích thước 110mm x 20m, giấy chất liệu tốt, phần giấy in cho kết quả rõ nét, đậm, đẹp, tách rời với cuộn giấy theo đường gáy qui định của máy. | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | .... |  |



|    |      |            |                                          |      |         |                                                                                            |                                    |      |  |
|----|------|------------|------------------------------------------|------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------|--|
| 25 | HH25 |            | Giấy in nhiệt máy nước tiểu              | 10   | Cuộn    | Kích thước 50mm x 20m, giấy chất liệu tốt, in cho kết quả rõ nét, đẹp                      | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | .... |  |
| 26 | HH26 | N05.03.020 | Lưỡi dao mổ các số, các cỡ 10, 20        | 300  | Cái     | Lưỡi dao mổ vô trùng, các số 10, 20, bằng thép không gỉ, lưỡi bầu                          | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | .... |  |
| 27 | HH27 | N08.00.240 | Que đê lưới gỗ tiết trùng                | 4500 | Cái/que | Làm bằng gỗ tự nhiên, đóng gói riêng và tiết trùng từng cái, dùng 1 lần                    | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | .... |  |
| 28 | HH28 |            | Que thử đường huyết mao mạch (que + kim) | 200  | Que     | Chất liệu tốt, kèm theo mucron máy                                                         | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | .... |  |
| 29 | HH29 | N07.01.500 | Film Khô X quang 20x25cm                 | 1250 | Tấm     | Kích thước 8x10 inch (tương đương 20 x 25cm). Đáp ứng yêu cầu sử dụng, tương thích với máy | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | .... |  |
| 30 | HH30 |            | Ly nhựa                                  | 300  | Cái     | Dùng trong nha khoa, chất liệu tốt                                                         | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh | .... |  |

